UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 6072/SGDĐT-VP
V/v thông báo danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 11năm 2026

Kính gửi:
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã, đặc khu.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu và thực hiện các thủ tục hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo danh mục các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của của Sở Giáo dục và Đào tạo, như sau:

1. Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

2. Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được thay thế lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lí nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lí nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

7. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

8. Quyết định 1765/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong các lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục trung học, giáo

dục nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

9. Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

10. Quyết định số 2045/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo.

11. Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục tiểu học, Giáo dục trung học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

12. Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 08 tháng 06 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

13. Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 23 tháng 06 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

15. Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 năm 2026 của UBND thành phố thành phố Đà Nẵng công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo.

16. Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố thành phố Đà Nẵng công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục; lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

17. Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2026 của UBND thành phố thành phố Đà Nẵng công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

18. Quyết định số 4579/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được thay thế thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đến nay, danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo là tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lí là 97; trong đó số TTHC cấp tỉnh là 59, TTHC cấp xã là 38 (Danh mục tại phụ lục đính kèm).

Sở GDĐT thông báo để các cá nhân, cơ quan, đơn vị được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Giám đốc, Phó Giám đốc;
- Các phòng Sở;
- Các đơn vị, trường học;
- Trang Thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP. tr

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trần Nguyễn Minh Thành

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Công văn số /SGDĐT-VP ngày /11/2026 của Sở GDĐT)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Ghi chú
I	**GIÁO DỤC MẦM NON**		
1.	Cho phép thành lập trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116827.H17	
2.	Giải thể trường mầm non theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	1.116831.H17	
3.	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập	1.116810.H17	
4.	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116811.H17	
5.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008720. H17	
II	**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**		
6.	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116828.H17	
7.	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	1.116829.H17	
8.	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116812.H17	
9.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116813.H17	
10.	Cho phép thành lập trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ	1.116824.H17	

	thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị		
11.	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116825.H17	
12.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116830.H17	
13.	Giải thể trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116826.H17	
14.	Tuyển sinh trung học phổ thông	3.000181.H17	
III	**GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**		
15.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008721. H17	
16.	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động không vì lợi nhuận	1.008723.H17	
17.	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm	1.116832.H17	

	giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục		
18.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục[1]	1.116833.H17	
19.	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	1.116834.H17	
IV	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
20.	Thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trường trung học nghề	2.002932.H17	
21.	Giải thể, cho phép giải thể trường trung cấp, trường trung học nghề, phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập	2.002936.H17	
22.	Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	2.002934.H17	
23.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trường trung học nghề	2.002935.H17	
24.	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	2.002889.H17	
25.	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường trung học nghề (bao gồm trường trung cấp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP)	2.002933.H17	
26.	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục sang trường học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.000482. H17	
27.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	2.000632.H17	
28.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.001959.H17	
29.	Thay đổi địa điểm trụ sở chính và phân hiệu của trường trung học nghề, trường trung cấp	2.002924.H17	

[1] Thủ tục này thay thế cho nội dung công bố liên quan đến chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại thủ tục Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (mã số 2.002885).

V	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**		
30.	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	*2.002811.H17*	
31.	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	1.000729. H17	
32.	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	2.002854. H17	
33.	Tiếp nhận học sinh xin học lại	2.002857.H17	
34.	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	2.002855.H17	
35.	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	2.002856.H17	
36.	Xét, cấp học bổng chính sách đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển	2.002851.H17	
37.	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2.002812.H17	
38.	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2.002813 .H17	
39.	Đề nghị đánh giá, công nhận "Đơn vị học tập cấp tỉnh"	2.002593.H17	
40.	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1.009002. H17	
41.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1.014334.H17	
42.	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	1.014333.H17	
43.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714. H17	
44.	Xóa chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh)	1.115984.H17	
45.	Miễn chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh)	1.115985.H17	

46.	Đổi tên trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116814.H17	
47.	Thay đổi địa điểm hoạt động giáo dục của trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	1.116815.H17	
VI	**LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ**		
48.	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	1.004889. H17	
49.	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	2.002850. H17	
50.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (cấp tỉnh)	3.000466. H17	
51.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (cấp tỉnh)	3.000465. H17	
52.	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	1.003734. H17	
53.	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)	1.005090. H17	
VII	**LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH**		
54.	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	1.013338.H17	
55.	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005142.H17	
56.	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005095.H17	
57.	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	1.005098.H17	
58.	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	1.009394. H17	
59.	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	1.014957. H17	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Ghi chú
I	**GIÁO DỤC MẦM NON**		
1.	Cho phép thành lập nhóm, lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	1.116839.H17	
2.	Sáp nhập, chia, tách nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	1.116840.H17	
3.	Giải thể nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm lớp)	1.116841.H17	
4.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.014996.H17	
5.	Cho phép thành lập trường mầm non	1.116835.H17	
6.	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non	1.116836.H17	
7.	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non	1.116837.H17	
8.	Giải thể trường mầm non (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.116838.H17	
II	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**		
9.	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.116842.H17	
10.	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.116843.H17	
11.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.116844.H17	
12.	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.116845.H17	

III	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC**		
13.	Tuyển sinh trung học cơ sở	3.000182.H17	
IV	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**		
14.	Cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục	1.116847.H17	
15.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng tư thục	1.116848.H17	
16.	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1.116849.H17	
V.	**LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC**		
17.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở	1.116846.H17	
18.	Cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	1.116818.H17	
19.	Sáp nhập, chia, tách lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục	1.116823.H17	
20.	Giải thể lớp dành cho người khuyết tật tư thục ngoài cơ sở giáo dục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	1.116819.H17	
21.	Cho phép thành lập lớp độc lập tư thục	1.116820.H17	
22.	Sáp nhập, chia, tách lớp độc lập tư thục	1.116821.H17	
23.	Giải thể lớp độc lập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	1.116822.H17	
VI	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN**		
24.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	1.008725. H17	
25.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.H17	

26.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951. H17	
27.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950. H17	
28.	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	1.014335. H17	
29.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	1.014336.H17	
30.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1.014337.H17	
31.	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	1.014997.H17	
32.	Đổi tên trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.116816.H17	
33.	Thay đổi địa điểm hoạt động giáo dục của trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.116817.H17	
34.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.H17	
35.	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	2.002770.H17	
36.	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	2.002771.H17	
VII	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
37.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960.H17	
38.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	2.002284.H17	

	tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc cấp xã		